

Bản án số: 20/2021/HS-ST
Ngày: 08/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 04/2021/TB-TA ngày 24/5/2021 đối với các bị cáo:

1/. H Đ T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 21 tháng 02 năm 1990 tại: H T. Nơi cư trú: Thôn 2, xã N Ph Th, huyện C X, tỉnh H T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H K L, sinh năm 1962 và bà Ng Th Nh, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2020, đến ngày 28/6/2020 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

2/. Đ M T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 23 tháng 12 năm 1989 tại: Qu B. Nơi cư trú: Thôn T L, xã Y H, huyện M H, tỉnh Qu B; nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ Ng H, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Đ Th Ph, sinh năm 1969; có vợ là Đ Th Á T, sinh năm 1990 và 01 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không. (Nhân thân: Ngày 29/10/2010 bị Công an huyện Minh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”, đã chấp hành nộp phạt

ngày 08/11/2010. Ngày 10/10/2017 bị Công an huyện Minh Hóa xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “ Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành nộp phạt ngày 16/10/2017). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2020, đến ngày 28/6/2020 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

* Người làm chứng:

Anh Đ V Th – sinh năm 1985

Địa chỉ: Xã I Ph, huyện Ch P, tỉnh Gi L. Vắng mặt

Anh Ph Th H – sinh năm 1981

Địa chỉ: Xã Đ L, huyện Đ Th, tỉnh H T. Vắng mặt

Anh Ng V Th – sinh năm 1984

Địa chỉ: Xã Đ S, huyện Y Th, tỉnh B Gi. Vắng mặt

Anh Ng M H – sinh năm 1976

Địa chỉ: Xã S Kh, thành phố B Gi, tỉnh B Gi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 19 tháng 6 năm 2020, lực lượng Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Ch L phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh Qu B, tiến hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ Th H tại khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Ch L, khi đến giữa cầu thang tầng 02 và tầng 03 phát hiện đối tượng Đ M T đi từ cầu thang xuống có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra phát hiện trong tay T (T2) có cầm 02 viên ma túy loại hồng phiến T2 khai nhận vừa mới sử dụng ma túy tại phòng 303 nhà nghỉ Th H xong. Tiếp tục kiểm tra phòng 303 nhà nghỉ Th H phát hiện các đối tượng Ng M H, Ng V Th, Ph Th H và Đ V Th đang ngồi trên giường, bên cạnh có 01 chai nhựa đựng nước và các tờ tiền, tờ giấy cuộn thành ống, các đối tượng khai nhận đang sử dụng ma túy. Trong nhà vệ sinh của phòng nghỉ phát hiện đối tượng H Đ T đang xả nước bồn cầu vệ sinh để phi tang tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng được vo tròn nhưng bồn cầu bị hết nước. Lực lượng Biên phòng yêu cầu T (T1) nhặt tờ tiền 5.000 đồng lên và mở ra phát hiện 02 viên ma túy loại hồng phiến. Tiếp tục kiểm tra phát hiện 01 viên ma túy loại hồng phiến ở dưới gầm giường chỗ các đối tượng đang ngồi. Lực lượng chức năng đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật và niêm phong 02 viên ma túy loại hồng phiến, trên mặt mỗi viên có in chữ “WY” thu giữ từ Đ M T được ký hiệu A1; Niêm phong 03 viên ma túy loại hồng phiến, trên mặt mỗi viên có in chữ “WY” thu giữ trong bồn cầu phòng vệ sinh và dưới gầm giường (T1) khai nhận đây là số ma túy mà (T1) đã tàng trữ để sử dụng, được ký hiệu A2.

Quá trình điều tra xác định: Chiều 19/6/2020 H Đ T đang chờ đổi tài xế tại bãi đỗ xe Cửa khẩu quốc tế Ch L, xã D H thì có một người đàn ông đến hỏi (T1) mượn

đồ sửa xe ô tô, (T1) cho mượn và đứng xem người này sửa xe. Lúc này (T1) thấy phía trong bên lái xe của người này có dụng cụ sử dụng ma túy nên hỏi “anh có dùng ma túy hông phiền à”, người này trả lời “có”, người này hỏi lại (T1) “có dùng không anh cho vài hột” thì (T1) bảo “có” và người này lấy đưa cho (T1) một gói băng keo màu xanh bên trong chứa 7 viên ma túy, sau đó (T1) cầm ma túy trên tay đến thuê phòng 303 nhà nghỉ Th H ở Cửa khẩu quốc tế Ch L để nghỉ. Khi vào phòng (T1) cất gói ma túy dưới đệm phía cuối giường rồi đi tắm. Một lúc sau có Ng M H (là người cùng lái xe với (T1)) đến phòng 303 để ở cùng. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày (T1) và M H đi ăn cơm, đến quán cơm thì gặp Ng V Th, Ph Th H, Đ V Th và Đ M T. Sau khi ăn xong, (T1) đi về phòng nghỉ trước, Ng M H hẹn T2 đến phòng nghỉ chơi và Ph Th H cũng đi theo. Khi vào phòng 303, (T1) đi vào phòng vệ sinh, vào sau có M H, Th H và T2. Trong phòng vệ sinh (T1) nghe có người nói “Giờ mà có hàng dùng mà đi hát karaoke thì hay biết mấy”, (T1) đi trong nhà vệ sinh ra lấy gói ma túy để lên giường và nói “khi chiều có người cho mấy hột” rồi (T1) quay lại bấm điện thoại và xem ti vi, lúc sau (T1) nghe ai đó bảo lấy giấy bao bạc trong gói thuốc lá trên bàn, nên (T1) mở gói thuốc lấy giấy bạc rồi xé từng miếng nhỏ để sử dụng ma túy. Khi (T1) làm xong thì đã thấy có chai nhựa để sẵn trên giường rồi tất cả 4 người gồm (T1), T2, Th H, M H cùng nhau sử dụng ma túy, sau đó có Th (TH1) và Th (Th2) đến chơi nên cùng ngồi vào sử dụng. Khi đang sử dụng thì Đ M T đứng dậy ra về và có xin 02 viên ma túy mang theo để sử dụng. Sau khi T2 ra về một lúc thì nghe có tiếng ồn ào bên ngoài phòng 303 nên (T1) đã gói 02 viên ma túy vào trong tờ tiền 5.000 đồng vứt vào trong bồn cầu phòng vệ sinh để phi tang nhưng đã bị phát hiện thu giữ, còn 01 viên ma túy chưa sử dụng, rơi xuống gầm giường thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định số: 958/GĐ-PC09 ngày 24/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận:

- Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,173g (Không phải một trăm bảy mươi ba gam).
- Mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,272g (Không phải hai trăm bảy mươi hai gam).

Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự: 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

Về vật chứng vụ án:

- 01 (Một) phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ “958/GĐ-PC09” “Mẫu ký hiệu A1”, được niêm phong bằng các chữ ký của các ông Lưu Đức Bình, Nguyễn Ngọc Sơn, Đặng Thị Hoài Thu, Nguyễn Ngọc Hà, dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và ngoài cùng dán băng dính trong suốt;

- 01 (Một) phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ “958/GĐ-PC09” “Mẫu ký hiệu A2”, được niêm phong bằng các chữ ký của các ông Lưu Đức Bình,

Nguyễn Ngọc Sơn, Đặng Thị Hoài Thu, Nguyễn Ngọc Hà, dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và ngoài cùng dán băng dính trong suốt;

- 01 (Một) băng dán màu xanh, bên trong có chứa một mảnh giấy giấy bạc;
- 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy, gồm: 01 chai nhựa màu trắng ở giữa chai nhựa có một ống hút được làm từ tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng các đối tượng dùng để sử dụng ma túy;
- 01 (Một) Căn cước công dân số 044089001457 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và giữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 24/10/2017 mang tên Đ M T;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu ITEL (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong) của Đ M T;
- 01 (Một) điện thoại di động màu xanh, đen hiệu REALME (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong);
- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 184364204 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 15/3/2019 mang tên H Đ T;
- 01 (Một) giấy phép lái xe mang số 310164001868 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 01 năm 2016 mang tên H Đ T.
- 01 (Một) điện thoại di động màu đen hiệu VSMART (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong) của H Đ T.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã được Cơ quan điều tra làm rõ

Cáo trạng số 43/CT-VKSMH ngày 13/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố bị cáo H Đ T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Đ M T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo H Đ T 24 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo H Đ T 14 tháng tù. Áp dụng Điều 55 bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 36 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đ M T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Và đề nghị xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Minh Hóa, Viện kiểm sát huyện Minh Hóa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội: Mặc dù nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng H Đ T vẫn tàng trữ 03 viên ma túy có khối lượng 0,272 gam Methamphetamine, Đ M T tàng trữ 02 viên ma túy có khối lượng 0,173 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng và H Đ T còn cung cấp cho người khác rồi cùng nhau sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ về thời gian, địa điểm, loại ma túy, khối lượng ma túy và hình thức sử dụng ma túy, số lượng người sử dụng ma túy do H Đ T cung cấp, ý kiến của Kiểm sát viên, do đó đã đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo H Đ T và Đ M T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và H Đ T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 bộ luật hình sự năm 2015 – Sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy H Đ T và Đ M T có công việc ổn định, nhưng không chịu khó rèn luyện mà nghiện ma túy nên xin ma túy để sử dụng và H Đ T đã chủ động xin 07 viên ma túy về để sử dụng, sau đó cung cấp cho bốn người khác và cùng với T2 sử dụng ma túy. Còn Đ M T xin 02 viên ma túy tàng trữ để sử dụng. Hành vi của H Đ T và Đ M T đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội cần được xử lý nghiêm, vì vậy cần áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H Đ T và áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ M T để lên cho các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần xem xét cho các bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy cần áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo H Đ T đã có công phát hiện tội phạm và trình báo Công an được Công an xã Đ M – Công an thành phố H T xác nhận ngày 05/8/2020 vì vậy cần áp

dụng thêm Điểm t Khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

[4] - Đối với 01 phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ “958/GĐ-PC09” Mẫu ký hiệu A1” và 01 phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ “958/GĐ-PC09” Mẫu ký hiệu A2”, được niêm phong bằng các chữ ký và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và ngoài cùng dán băng dính trong suốt

- 01 băng dán màu xanh, bên trong có chứa một mảnh giấy giấy bạc;
- 01 bộ dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy, gồm: 01 chai nhựa màu trắng

Đây là vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng cần áp dụng Điểm a, điểm c khoản 2 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Đối với tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng trên chai nhựa cần áp dụng điểm a khoản 2 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Căn cước công dân số 044089001457 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và giữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 24/10/2017 mang tên Đ M T;

- 01 điện thoại di động hiệu ITEL (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong) của Đ M T;

- 01 điện thoại di động màu xanh, đen hiệu REALME (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong);

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 184364204 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 15/3/2019 mang tên H Đ T;

- 01 giấy phép lái xe mang số 310164001868 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 01 năm 2016 mang tên H Đ T.

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu VSMART (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong) của H Đ T.

Các vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Toàn và T2.

Trong vụ án này có các đối tượng sử dụng ma túy gồm Ng M H, Ng V Th, Ph Th H, Đ V Th. Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Ch L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Về nguồn gốc ma túy người đàn ông cho (T1), H Đ T không biết tên tuổi, địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xác minh.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo H Đ T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Đ M T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255, Điểm s, điểm t Khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt H Đ T 24 tháng tù

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s, điểm t Khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt H Đ T 12 (Mười hai) tháng tù

Thời gian tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” buộc bị cáo H Đ T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo (T1) 45 ngày theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Đ M T 13 (Mười ba) tháng tù

Thời gian tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo T2 45 ngày theo quyết định của Hội đồng xét xử.

2. Về vật chứng vụ án:

- Áp dụng điểm a, điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ “958/GĐ-PC09” “Mẫu ký hiệu A1”, được niêm phong bằng các chữ ký của các ông Lưu Đức Bình, Nguyễn Ngọc Sơn, Đặng Thị Hoài Thu, Nguyễn Ngọc Hà, dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và ngoài cùng dán băng dính trong suốt; 01 (Một) phong bì thư các mép dán kín, trên có ghi chữ “958/GĐ-PC09” “Mẫu ký hiệu A2”, được niêm phong bằng các chữ ký của các ông Lưu Đức Bình, Nguyễn Ngọc Sơn, Đặng Thị Hoài Thu, Nguyễn Ngọc Hà, dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và ngoài cùng dán băng dính trong suốt; 01 (Một) băng dán màu xanh, bên trong có chứa một mảnh giấy giấy bạc; 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy, gồm: 01 chai nhựa màu trắng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng (cuộn tròn trên chai nhựa).

- Áp dụng điểm b khoản 3 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Đ M T: 01 Căn cước công dân số 044089001457 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và giữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 24/10/2017 mang tên Đ M T; 01 điện thoại di động hiệu ITEL (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong); 01 điện thoại di động màu xanh, đen hiệu REALME (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong);

Trả lại cho H Đ T: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 184364204 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 15/3/2019 mang tên H Đ T; 01 giấy phép lái xe mang số 310164001868 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 01 năm 2016 mang tên H Đ T; 01 điện thoại di động màu đen hiệu VSMART (đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong) của H Đ T.

Số vật chứng trên đã được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

3. Về án phí: Các bị cáo H Đ T và Đ M T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt các bị cáo. Tuyên bố các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

